

CHÍNH PHỦ**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 59 /2020/NĐ-CP

Hà Nội, ngày 27 tháng 5 năm 2020

CỘNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CHÍNH PHỦ	
ĐẾN	Giờ: ...C.....
	Ngày: 28/5/2020...

NGHỊ ĐỊNH**Quy định cơ sở dữ liệu về thi hành án hình sự**

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Thi hành án hình sự ngày 14 tháng 6 năm 2019;

Căn cứ Luật Công nghệ thông tin ngày 29 tháng 6 năm 2006;

Căn cứ Luật An toàn thông tin mạng ngày 19 tháng 11 năm 2015;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Công an;

Chính phủ ban hành Nghị định quy định cơ sở dữ liệu về thi hành án hình sự.

Chương I**NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG****Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

Nghị định này quy định về xây dựng, thu thập, lưu trữ, xử lý, bảo vệ, khai thác, sử dụng (gọi chung là xây dựng, quản lý, sử dụng) cơ sở dữ liệu về thi hành án hình sự; trách nhiệm, quyền hạn của cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan trong xây dựng, quản lý, sử dụng cơ sở dữ liệu về thi hành án hình sự.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Nghị định này áp dụng đối với cơ quan quản lý thi hành án hình sự, cơ quan thi hành án hình sự và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc xây dựng, quản lý, sử dụng cơ sở dữ liệu về thi hành án hình sự.

Điều 3. Nguyên tắc xây dựng, quản lý, sử dụng cơ sở dữ liệu về thi hành án hình sự

1. Tuân thủ Luật Thi hành án hình sự; Nghị định này và các quy định của pháp luật khác có liên quan.

2. Mọi thông tin liên quan đến việc thi hành án hình sự của người, pháp nhân thương mại chấp hành án, chấp hành biện pháp tư pháp phải được thu thập, cập nhật đầy đủ, kịp thời, chính xác, khách quan, khoa học và khai thác, sử dụng đúng mục đích, theo đúng quy định của pháp luật.

3. Bảo đảm bí mật thông tin cá nhân của người, thông tin của pháp nhân thương mại chấp hành án, chấp hành biện pháp tư pháp theo quy định của pháp luật.

4. Việc quản lý, kết nối, chia sẻ dữ liệu trong cơ sở dữ liệu về thi hành án hình sự thực hiện theo Nghị định số 47/2020/NĐ-CP ngày 09 tháng 4 năm 2020 về quản lý, kết nối và chia sẻ dữ liệu số của cơ quan nhà nước.

Chương II **XÂY DỰNG, QUẢN LÝ, SỬ DỤNG** **CƠ SỞ DỮ LIỆU VỀ THI HÀNH ÁN HÌNH SỰ**

Điều 4. Cơ sở dữ liệu về thi hành án hình sự

1. Cơ sở dữ liệu về thi hành án hình sự là tập hợp thông tin về tình hình, kết quả thi hành án hình sự và thông tin khác có liên quan đến người, pháp nhân thương mại chấp hành bản án, quyết định của Tòa án về các hình phạt và biện pháp tư pháp.

2. Cơ sở dữ liệu về thi hành án hình sự do Bộ Công an thống nhất quản lý là một bộ phận của hệ cơ sở dữ liệu quốc gia về thông tin phòng, chống tội phạm nhằm phục vụ công tác quản lý nhà nước về thi hành án hình sự.

3. Cơ sở dữ liệu về thi hành án hình sự bao gồm:

- a) Cơ sở dữ liệu về thi hành án hình sự trong Công an nhân dân;
- b) Cơ sở dữ liệu về thi hành án hình sự trong Quân đội nhân dân.

Cơ sở dữ liệu về thi hành án hình sự trong Công an nhân dân được kết nối với cơ sở dữ liệu về thi hành án hình sự trong Quân đội nhân dân. Bộ Công an sau khi thống nhất với Bộ Quốc phòng ban hành hướng dẫn việc kết nối, cung cấp, trao đổi dữ liệu giữa cơ sở dữ liệu về thi hành án hình sự trong Công an nhân dân và cơ sở dữ liệu về thi hành án hình sự trong Quân đội nhân dân.

Điều 5. Cơ sở dữ liệu về thi hành án hình sự trong Công an nhân dân

1. Cơ quan quản lý thi hành án hình sự thuộc Bộ Công an là cơ quan quản lý cơ sở dữ liệu về thi hành án hình sự có trách nhiệm xây dựng, quản lý, sử dụng cơ sở dữ liệu về thi hành án hình sự trên phạm vi toàn quốc.

2. Cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp tỉnh, cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp huyện, trại giam, trại tạm giam có trách nhiệm:

a) Thu thập, cập nhật thông tin, khai thác cơ sở dữ liệu về thi hành án hình sự thuộc phạm vi quản lý;

b) Cung cấp dữ liệu thi hành án hình sự về cơ quan quản lý thi hành án hình sự thuộc Bộ Công an.

Điều 6. Cơ sở dữ liệu về thi hành án hình sự trong Quân đội nhân dân

1. Cơ quan quản lý thi hành án hình sự thuộc Bộ Quốc phòng có trách nhiệm:

a) Xây dựng, quản lý, sử dụng cơ sở dữ liệu về thi hành án hình sự trong Quân đội nhân dân;

b) Cung cấp dữ liệu thi hành án hình sự trong Quân đội nhân dân về cơ quan quản lý thi hành án hình sự thuộc Bộ Công an để xây dựng cơ sở dữ liệu về thi hành án hình sự.

2. Cơ quan thi hành án hình sự cấp quân khu, trại giam, trại tạm giam trong Quân đội nhân dân có trách nhiệm:

a) Thu thập, cập nhật thông tin, khai thác cơ sở dữ liệu về thi hành án hình sự thuộc phạm vi quản lý;

b) Cung cấp dữ liệu thi hành án hình sự về cơ quan quản lý thi hành án hình sự thuộc Bộ Quốc phòng.

Điều 7. Xây dựng cơ sở dữ liệu về thi hành án hình sự

1. Cơ sở dữ liệu về thi hành án hình sự được xây dựng đồng bộ, tập trung, thống nhất, dùng chung trên phạm vi toàn quốc.

2. Cơ sở dữ liệu về thi hành án hình sự được xây dựng tuân thủ các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật về ứng dụng công nghệ thông tin; bảo đảm an ninh, an toàn thông tin và sự tương thích, thông suốt giữa các hệ thống thông tin.

3. Thiết kế cấu trúc của cơ sở dữ liệu về thi hành án hình sự phải có tính tương thích, khả năng tích hợp, chia sẻ dữ liệu với các cơ sở dữ liệu nghiệp vụ khác có liên quan do Bộ Công an quản lý; bảo đảm việc mở rộng, nâng cấp và phát triển.

Điều 8. Thông tin trong cơ sở dữ liệu về thi hành án hình sự

1. Thông tin về tình hình, kết quả thi hành án hình sự trong cơ sở dữ liệu về thi hành án hình sự bao gồm:

a) Số liệu về người, pháp nhân thương mại chấp hành án, chấp hành biện pháp tư pháp;

b) Tình hình, kết quả thi hành án hình sự đối với người, pháp nhân thương mại chấp hành án, chấp hành biện pháp tư pháp;

c) Tình hình về nhân lực, cơ sở vật chất, trang thiết bị kỹ thuật, nghiệp vụ phục vụ công tác thi hành án hình sự.

2. Thông tin cơ bản về người chấp hành án, người chấp hành biện pháp tư pháp trong cơ sở dữ liệu về thi hành án hình sự bao gồm:

a) Bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án hình sự;

b) Lý lịch người chấp hành án, chấp hành biện pháp tư pháp;

c) Tóm tắt quá trình phạm tội;

d) Tiền án;

đ) Tiền sự;

e) Nghĩa vụ dân sự trong bản án hình sự và việc thực hiện các nghĩa vụ dân sự;

g) Diễn biến quá trình chấp hành án, chấp hành biện pháp tư pháp bao gồm hoãn hoặc tạm đình chỉ chấp hành án; miễn, giảm thời hạn chấp hành án; tha tù trước thời hạn có điều kiện, hủy bỏ quyết định tha tù trước thời hạn có điều kiện; buộc chấp hành án phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo; đình chỉ thi hành biện pháp tư pháp bắt buộc chữa bệnh; hoãn, tạm đình chỉ chấp hành biện pháp tư pháp giáo dục tại trường giáo dưỡng; chấm dứt trước thời hạn chấp hành biện pháp tư pháp giáo dục tại trường giáo dưỡng; giải quyết trường hợp người chấp hành án, chấp hành biện pháp tư pháp bỏ trốn hoặc chết; kết quả chấp hành án, chấp hành biện pháp tư pháp;

h) Nơi về cư trú, làm việc của người chấp hành án, chấp hành biện pháp tư pháp sau khi chấp hành xong hình phạt, biện pháp tư pháp.

3. Thông tin cơ bản về pháp nhân thương mại chấp hành án, chấp hành biện pháp tư pháp trong cơ sở dữ liệu về thi hành án hình sự bao gồm:

a) Bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án hình sự;